

Số: /HD-SGDĐT

Tây Ninh, ngày 11 tháng 8 năm 2022

HƯỚNG DẪN

Đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí về giáo dục đối với các xã xây dựng nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1491/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Công bố chỉ tiêu các lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện hướng dẫn số 2537/SNN-PTNT ngày 13/7/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí về giáo dục như sau:

I. Trách nhiệm tham mưu, theo dõi và báo cáo

Trường phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các đơn vị trường học tại các xã xây dựng nông thôn mới xây dựng báo cáo theo từng cấp học; phòng giáo dục và đào tạo phối hợp với BCĐ xã tổng hợp đánh giá theo từng tiêu chí báo cáo về Ban chỉ đạo huyện, thị xã, thành phố để làm cơ sở xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu;

Việc đánh giá kết quả thực hiện phải bảo đảm tính công khai, dân chủ, minh bạch, đúng tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục quy định và thực hiện trên cơ sở kết quả đạt được đến ngày 30/9 hàng năm.

II. Thành phần tham dự đánh giá kết quả thực hiện

- Đối với phòng giáo dục và đào tạo: Lãnh đạo phòng giáo dục và đào tạo huyện, thị xã, thành phố (1 người), chuyên viên phụ trách chuyên môn ở từng cấp học (1 người) và phụ trách phổ cập (1 người);

- Đối với trường được đánh giá kết quả thực hiện: Hiệu trưởng nhà trường, Chủ tịch Công đoàn, giáo viên chuyên trách phổ cập, phụ trách các bộ phận, bộ môn (thư viện, thiết bị, phòng học bộ môn).

III. Nội dung đánh giá các tiêu chí

A. Đối với các xã xây dựng nông thôn mới.

Tiêu chí 5: Về cơ sở vật chất trường học

Các đơn vị, trường học thuộc các xã xây dựng nông thôn mới phải đạt các yêu cầu tối thiểu sau đây:

Đối với trường mầm non: Thực hiện đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, tại Điều 14, Tiêu chuẩn 3 (cơ sở vật chất và thiết bị dạy học) và Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học tại điều 7, cụ thể:

1. Khối phòng hành chính quản trị

- a) Có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- b) Có phòng làm việc riêng cho công tác hành chính quản trị: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.

2. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em

- a) Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật: đối với trường có quy mô đến 14 nhóm, lớp, có tối thiểu 01 phòng giáo dục nghệ thuật và 01 phòng giáo dục thể chất; đối với trường có quy mô lớn hơn 14 nhóm, lớp có tối thiểu 01 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng giáo dục thể chất và 01 phòng đa năng;

- b) Sân chơi riêng: được bố trí theo từng nhóm, lớp.

3. Khối phụ trợ.

Có sân vườn dành riêng cho trẻ em khám phá, trải nghiệm.

- 4. Các hạng mục công trình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 6 và các khoản 1, 2, 3 Điều 7, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 70%.

- 5. Mỗi điểm trường (nếu có) không ít hơn 02 nhóm, lớp.

6. Mật độ sử dụng đất

- a) Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%;

b) Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi): không dưới 40%;

c) Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 20%.

Đối với trường tiểu học: Thực hiện đánh giá theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học. Điều 14, tiêu chuẩn 3 (cơ sở vật chất và thiết bị dạy học) và Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, tại Điều 11, cụ thể:

1. Khối phòng hành chính quản trị

a) Có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

b) Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

2. Khối phòng học tập

a) Phòng học bộ môn Âm nhạc: có tối thiểu 01 phòng;

b) Phòng học bộ môn Mỹ thuật: có tối thiểu 01 phòng;

c) Phòng học bộ môn Tin học: đối với trường có quy mô lớn hơn 25 lớp có tối thiểu 02 phòng;

d) Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: đối với trường có quy mô lớn hơn 25 lớp có tối thiểu 02 phòng;

đ) Phòng đa chức năng: đối với trường có quy mô lớn hơn 25 lớp có tối thiểu 02 phòng.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Thư viện: có phòng đọc cho học sinh tối thiểu 35 chỗ, phòng đọc giáo viên tối thiểu 20 chỗ.

4. Khối phụ trợ

a) Phòng nghỉ giáo viên: bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;

b) Khu vệ sinh học sinh: khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học.

5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

Sân thể dục thể thao ngăn cách với các khối phòng chức năng bằng dải cây xanh cách ly, có khu vực tập thể dục thể thao có mái che.

6. Khối phục vụ sinh hoạt

Phòng sinh hoạt chung (đối với trường tổ chức nội trú): bố trí trong khu vực nội trú, gần phòng ở nội trú học sinh; trang bị đầy đủ các thiết bị.

7. Các hạng mục công trình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 10 và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 11, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Tỷ lệ các công trình kiên cố không dưới 70%.

8. Mỗi điểm trường (nếu có) không ít hơn 02 lớp.

9. Mật độ sử dụng đất

a) Diện tích xây dựng công trình: không quá 40%;

b) Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao): không dưới 40%;

c) Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 20%.

Đối với trường trung học cơ sở: Thực hiện đánh giá theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD-ĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, tại Điều 14, Tiêu chuẩn 3 (cơ sở vật chất và thiết bị dạy học) và Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, tại Điều 15 cụ thể:

1. Khối phòng hành chính quản trị

a) Có phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

b) Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.

2. Khối phòng học tập

a) Phòng học bộ môn Khoa học tự nhiên: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp, có tối thiểu 03 phòng;

b) Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 02 phòng;

c) Phòng đa chức năng: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 02 phòng;

d) Phòng học bộ môn Khoa học xã hội: có tối thiểu 01 phòng.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Thư viện: có phòng đọc cho học sinh tối thiểu 45 chỗ, phòng đọc giáo viên tối thiểu 20 chỗ.

4. Khối phụ trợ

a) Phòng các tổ chuyên môn: có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn;

b) Phòng nghỉ giáo viên: bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;

c) Khu vệ sinh học sinh: khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học.

5. Khu sân chơi, bãi tập, thể dục thể thao

Sân thể dục thể thao ngăn cách với các khối phòng chức năng bằng dải cây xanh cách ly, có khu vực tập thể dục thể thao có mái che.

6. Khối phục vụ sinh hoạt

Nhà văn hóa (đối với trường có tổ chức nội trú): phục vụ các hoạt động văn hóa, văn nghệ; trang bị đầy đủ các thiết bị.

7. Các hạng mục công trình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 14 và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 15, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Tỷ lệ các công trình kiên cố không dưới 70%.

8. Mật độ sử dụng đất

a) Diện tích xây dựng công trình: không quá 45%;

b) Diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi, sân thể dục thể thao): không dưới 30%;

c) Diện tích giao thông nội bộ: không dưới 25%.

Lưu ý: Để đảm bảo tiến độ thực hiện công nhận đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh, các đơn vị khi đánh giá cần lưu ý các việc sau:

- Trong trường hợp các hạng mục công trình đang xây dựng thì căn cứ vào bản vẽ, thiết kế để đánh giá công nhận;

- Cơ sở vật chất ở những trường có qui mô nhỏ ít học sinh không nhất thiết phải đầy đủ cơ sở theo qui định của trường chuẩn quốc gia;

- Những trường có điểm phụ thì cơ sở vật chất điểm phụ không nhất thiết phải đầy đủ như điểm chính;

- Tùy thuộc vào tình hình thực tế từng đơn vị, việc đánh giá công nhận trên cơ sở đạt mục tiêu chung và hướng đầu tư bổ sung sau công nhận.

Tiêu chí 14 (giáo dục)

Tiêu chí 14.1: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.

- Đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi;
- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2;
- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt từ 98% trở lên;
- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2;
- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;
- Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại Tốt;

Tiêu chí 14.2: Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) đạt từ 90% trở lên.

B. Đối với các điểm xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Tiêu chí 5: Về giáo dục

Các đơn vị, trường học thuộc các xã xây dựng nông thôn mới nâng cao phải đạt các yêu cầu tối thiểu sau đây:

5.1 Đối với trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS: Tỷ lệ 100% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2;

5.2 Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi;

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3;

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2;

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại Tốt;

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền (Thực hiện theo hướng dẫn của UBND tỉnh).

C. Đối với các xã xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

Tiêu chí 3: Về giáo dục

Các đơn vị, trường học thuộc các xã xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu phải đạt các yêu cầu tối thiểu sau đây:

3.1 Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo từ 91% trở lên.

3.2. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

3.3. Trẻ em ở độ tuổi 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 98% trở lên, và số còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

3.4. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 18 tuổi đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 96% trở lên.

IV. Thời gian: Phòng GDĐT Báo cáo về Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới về huyện, thị xã, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30/10 hàng năm (*theo biểu số 01 và biểu số 02*).

Sở Giáo dục và Đào tạo yêu cầu Trưởng phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố, căn cứ các nội dung trên để chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các đơn vị trường học thuộc địa bàn quản lý để tham mưu, theo dõi và xây dựng báo cáo. Trong quá trình triển khai thực hiện có gì vướng mắc báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo, điện thoại: 02763.814420; hộp thư: phongkhthc.sotayninh@moet.edu.vn (tổ giúp việc xây dựng nông thôn mới)/.

Nơi nhận:

- VP điều phối CTXDNTM tỉnh;
- UBND huyện, TX, TP;
- Phòng GDĐT huyện, TX, TP;
- GD, các PGD (để biết);
- Lưu: VP, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**